

Bản án số: 25/2023/KDTM-ST

Ngày: 26-6-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 91/2023/TLST-KDTM ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T; địa chỉ: Nhà xưởng 01, lô CN9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thế T và ông Trần Văn D; địa chỉ: Số 66/2, đường DX072, khu phố 5, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/12/2022); Ông D có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần T; địa chỉ: Lô A5, đường số 1, Cụm công nghiệp U, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương; người đại diện theo pháp

luật: Ông L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 9 năm 2022, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Trần Văn D trình bày như sau:

Ngày 01/02/2021, Công ty T (sau đây gọi là Công ty T) và Công ty Cổ phần T2 (sau đây gọi là Công ty T2) có ký Hợp đồng nguyên tắc số: JH/TM-02/2021 ngày 21/12/2021 để mua bán hàng hóa là thùng giấy, thùng carton. Theo đó Công ty T sẽ cung cấp các mặt hàng là thùng giấy, thùng carton thông qua từng đợt cụ thể cho Công ty T2. Sau khi giao hàng 60 ngày kể từ ngày hai bên xác nhận công nợ và Công ty T2 nhận được hóa đơn tài chính thì thanh toán tiền hàng cho Công ty T. Tính đến ngày 28/6/2021, Công ty T đã giao hàng và xuất hóa đơn với tổng số tiền là 1.311.321.780 đồng. Ngày 18/01/2022, Công ty T và Công ty T2 xác nhận số tiền Công ty T2 còn nợ là 616.614.083 đồng (văn bản do Công ty TNHH Kiểm toán W gửi cho Công ty T2 ngày 18/01/2022).

Sau đó vào ngày 03/3/2022, Công ty T2 thanh toán số tiền 293.092.126 đồng; ngày 27/5/2022, Công ty T2 thanh toán tiếp số tiền 107.248.955 đồng.

Như vậy, số tiền Công ty T2 còn nợ Công ty T là 216.273.002 đồng nhưng kể từ ngày 27/5/2022 thì không thanh toán nữa cho đến nay.

Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty T2 thanh toán số tiền gốc còn nợ là 216.273.002 đồng và tiền lãi 36.442.000 đồng với mức lãi suất 0.05%/ngày tính từ 27/5/2022 đến ngày 28/3/2023.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn Dương trình bày: Ngày 09/6/2023, bị đơn Công ty T2 đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 216.273.002 đồng (Hai trăm mười sáu triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn không trăm lẻ hai đồng). Do đó, nguyên đơn rút yêu cầu đối với phần yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 216.273.002 đồng; yêu cầu bị đơn Công ty T2 thanh toán tiền lãi do vi phạm thời hạn thanh toán số tiền 40.978.048 đồng (Bốn mươi triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn không trăm bốn mươi tám đồng) tính từ ngày 28/5/2022 đến ngày 09/6/2023.

Nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ sau: Hợp đồng nguyên tắc số: JH/TM-02/2021; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002821; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002363; chứng từ giao dịch ngày 27/5/2022; chứng từ giao dịch ngày 09/6/2023; Vi bằng số 95/2023/VB-TPL ngày 11/5/2023 của Văn phòng Thừa phát lại thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Công ty T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng Đại diện theo pháp luật của Công ty T2 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

- Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 28/5/2022 đến ngày 09/6/2023 với mức lãi suất 0,05%/ngày là có cơ sở. Bị đơn không tham gia tố tụng là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Ngày 09/6/2023, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 216.273.002 đồng; nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền gốc 216.273.002 đồng, đề nghị đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi số tiền 40.978.048 đồng (Bốn mươi triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn không trăm bốn mươi tám đồng) tính từ ngày 28/5/2022 đến ngày 09/6/2023. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi nêu trên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T yêu cầu Công ty T2 thanh toán tiền hàng nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; Công ty T2 có trụ sở tại khu phố 5, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ Công ty T2 tham gia tố tụng nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty T2 vắng mặt không có lý do là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 216.273.002 đồng (Hai trăm mười sáu triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn không trăm lẻ hai đồng). Ngày 09/6/2023, bị đơn Công ty T2 đã thanh toán cho nguyên đơn Công ty T số tiền gốc nêu trên. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu đối với yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[3.2] Đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty T2 vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án. Tuy nhiên, ngày 09/6/2023 Công ty T2 đã thanh toán cho Công ty T số tiền gốc còn nợ là 216.273.002 đồng (Hai trăm mười sáu triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn không trăm lẻ hai đồng). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự chứng minh cho việc bị đơn Công ty T2 còn nợ Công ty T số tiền gốc là 216.273.002 đồng (Hai trăm mười sáu triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn không trăm lẻ hai đồng).

Công ty T yêu cầu Công ty T2 thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 28/5/2022 đến ngày 09/6/2023 với mức lãi suất là 0,05%/ngày (18%/tháng) với số tiền là 40.978.048 đồng (Bốn mươi triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn không trăm bốn mươi tám đồng). Xét thấy, tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Theo kết quả xác minh tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thành phố Tân Uyên, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Phòng Giao dịch thành phố Tân Uyên và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam (BIDV) - Phòng giao dịch thành phố Tân Uyên thì mức lãi suất cho vay trung hạn và dài hạn là 11.8%/năm.

Tại Khoản 4.2 Điều 4 hợp đồng nguyên tắc số: JH/TM-02/2021 ngày 01/02/2021 quy định “...nếu bên B thanh toán chậm thì chịu phạt 0,05%/ngày trên tổng số tiền thanh toán chậm...”. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 28/5/2022 đến ngày 09/6/2023 với mức lãi suất là 0,05%/ngày (18%/tháng) phù hợp với thỏa thuận của hai bên, phù hợp mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Công ty T2 phải thanh toán cho Công ty T số tiền lãi là 40.978.048 đồng (Bốn mươi triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn không trăm bốn mươi tám đồng). Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm thanh toán.

[4]. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[5]. Về án phí Kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;
- Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.
- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T với bị đơn Công ty Cổ phần T2 đối với số tiền gốc 216.273.002 đồng (Hai trăm mười sáu triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn không trăm lẻ hai đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T với bị đơn Công ty Cổ phần T2 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Buộc Công ty Cổ phần T2 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T tiền lãi chậm thanh toán là 40.978.048 đồng (Bốn mươi triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn không trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần T2 phải nộp số tiền 3.000.000 đồng. Hoàn trả cho Công ty T số tiền 6.501.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006366 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật Thi hành án dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Lài